

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 117/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 11 - 2024
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Trần Ngọc Phương
- Ông Lê Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 687/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2024/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1977; thường trú tại: 24A ấp M, xã H, huyện Giồng R, tỉnh K; tạm trú: 130M/2, khu phố 1B, phường A, thành phố T, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Trần Thanh N, sinh năm 1983; thường trú tại: Ấp Đại Thôn, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; tạm trú: 130M/2, khu phố 1B, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tổ tụng và tại phiên tòa nguyên đơn – bà Phạm Thị S trình bày:

Bà Sen và ông N tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện sống chung với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 05/4/2017, theo giấy chứng nhận kết hôn số 51. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường

nhưng đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông N ghen tuông vô cớ đốt giấy đăng ký kết hôn. Cách đây khoảng 03 năm ông N nghe lời gia đình ông N nghi ngờ bà Sen có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên thường xuyên kiểm chuyện với bà Sen. Ngoài ra ông N không đối xử tốt với con riêng của bà Sen và Nhân đi làm nhưng không đưa tiền cho bà Sen.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Sen vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tài liệu chứng cứ bà Sen giao nộp: Giấy đăng ký kết hôn (bản chính); căn cước công dân bà Sen (bản sao); xác nhận thông tin về cư trú.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn – ông Trần Thanh Ntrình bày:

Thông nhất theo lời trình bày của bà Sen về thời gian, điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn không như bà Sen trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn do cách đây khoảng 03 năm thì ông N phát hiện bà Sen có nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác, ông N có chụp màn hình điện thoại tin nhắn này của bà Sen. Sự việc này vô tình người nhà của ông N biết nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông N thừa nhận trong thời gian chung sống với bà Sen thì ông N không đưa tiền cho bà Sen vì phải dành dụm tiền để xây nhà. Vợ chồng đã ly thân 01 tháng nay bà Sen đã thuê phòng trọ khác ở tuy nhiên ông N vẫn thường xuyên thăm nom bà Sen, ông N xác định vẫn còn yêu thương bà Sen không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ ông N giao nộp: không.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Sen được ly hôn với ông N, về con chung không có, về tài sản chung nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Sen khởi kiện ông N yêu cầu được ly hôn, ông N hiện đang trú tại phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Sen và ông N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Xét thấy, bà Sen đã không còn sống chung với ông N, bà Sen không còn yêu thương, chăm sóc ông N và nhất quyết ly hôn. Từ đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Sen được ly hôn với ông N.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Phạm Thị S đối với bị đơn - ông Trần Thanh N về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị S được ly hôn với ông Trần Thanh N

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002977 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc